TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN QUẢNG HÒA** **TỈNH CAO BẰNG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 49/2022/HSST
Ngày 27/9/2022

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN QUẢNG HÒA

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: ông Nông Thanh Điệp

Các Hội thẩm nhân dân: bà Nông Thị Nhật Hằng và ông Bế Ích Hòa

Thư ký Toà án ghi biên bản phiên tòa: bà Phan Thị Thanh Tâm – Thư ký Toà án nhân dân huyện Quảng Hòa.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quảng Hòa tham gia phiên tòa: bà Lục Thị Hà – Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 9 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Quảng Hòa xét xử công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 48/2022/TLST-HS ngày 15/9/2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 70/2022/HSST-QĐTA ngày 16/9/2022 đối với bị cáo:

La Văn H - sinh ngày 11 tháng 12 năm 2000

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: xóm N, xã C, huyện Q, tỉnh Cao Bằng.

Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Nùng; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Nông dân; Trình độ học vấn: 09/12; Con ông: La Văn V, đã chết; Con bà: Bế T, sinh năm 1975; Vợ, con: chưa có; Bị cáo là con một trong gia đình.

Tiền án, tiền sự: không.

Bị cáo bị tạm giam từ ngày 30/6/2022 đến nay, có mặt tại phiên tòa.

- Người bị hại:

+ La Văn Đ - sinh năm 1987
Địa chỉ: xóm N, xã C, huyện Q, tỉnh Cao Bằng.
Vắng mặt tại phiên tòa.

+ Bế Thị B - sinh năm 1981
Địa chỉ: xóm N, xã C, huyện Q, tỉnh Cao Bằng.
Có mặt tại phiên tòa.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

+ La Thị K - sinh năm 1950
Địa chỉ: xóm N, xã C, huyện Q, tỉnh Cao Bằng.
Có mặt tại phiên tòa.

+ Lương Thị B2 - sinh năm 1988
Địa chỉ: Tổ 1, thị trấn Q, huyện H, tỉnh Cao Bằng.
Vắng mặt tại phiên tòa.

+ Nông Văn Đ2 - sinh năm 1968
Địa chỉ: xosm N, xã Đ, huyện Q, tỉnh Cao Bằng.
Vắng mặt tại phiên tòa.

- Người làm chứng:
+ La Bảo N - sinh năm 2011
Địa chỉ: xóm N, xã C huyện Q, tỉnh Cao Bằng.
Vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 29/6/2022 ông La Văn Đ có đơn trình báo về việc vào khoảng 14 giờ cùng ngày bị La Văn H (là cháu ruột) lấy trộm chiếc điện thoại di động Vivo Y21S màu xanh.

Quá trình điều tra làm rõ: Khoảng 08 giờ ngày 29/6/2022 La Văn H sang nhà La Văn Đ chơi, đến khoảng 12 giờ cùng ngày H ăn cơm cùng gia đình Đ. Sau khi ăn cơm xong, H lên giường bà nội La Thị K ngủ. Khoảng 13 giờ cùng ngày bà K đi làm đồng về gọi "N ơi lấy ngô xuống chăn vịt". Lúc đó H tỉnh dậy, còn N đang chơi game bằng điện thoại di động Vivo Y21S của bố La Văn Đ. Nghe tiếng bà gọi thì N đặt điện thoại lên tủ lạnh ở phòng khách rồi lấy ngô ra đằng sau nhà chăn vịt. Lúc đó trong nhà không có ai, nên H cầm lấy điện thoại cho vào túi quần rồi đi về nhà H ở ngay sát nhà Đ. Khoảng 5 phút sau N sang nhà H, thấy H đang cầm điện thoại, N nói "anh ơi trả máy cho em"; H nói "anh chơi tý, tý anh đưa cho". N ra trước cửa nhà H đợi. Sau đó H vòng qua cửa sau đi bộ ra nhà máy thủy điện Nà Tẩu, rồi đi nhờ xe một người đàn ông không quen biết đến ngã ba đường đi Trùng Khánh - Hạ Lang thì xuống xe. H dùng chiếc điện thoại Nokia 1203 (mượn của bà La Thị K) gọi cho Nông Văn Đ2 (sinh năm 1986, trú tại: Nà Phường, xã Độc Lập, huyện Quảng Hòa) nói "anh ơi, em có con điện thoại cắm giúp em với". Khoảng 20 phút sau Đ2 điều khiển xe mô tô chở H lên thị trấn Quảng Uyên. Đến cửa hàng điện thoại Cảnh Long thuộc Tổ dân phố Hồng Thái Mới thì Đại dừng xe để H truy cập mạng Wifi xóa dữ liệu trong máy. Lúc đó La Văn Đ đi xe mô tô đến yêu cầu H trả lại điện thoại, H trả lại điện thoại cho Đ rồi bỏ đi.

Ngoài ra H còn khai nhận: Vào khoảng 16 giờ ngày 27/6/2022 La Văn H đến nhà bà Bế Thị B (sinh năm 1981) là người cùng xóm để trộm chiếc điện thoại di động màn hình cảm ứng nhãn hiệu Nokia C20 màu vàng đồng để trên đỉnh màn của giường bên trái cửa đi, rồi đi bộ đến cầu Nà Phường xã Độc Lập, huyện Quảng Hòa, rồi H gọi điện thoại cho Nông Văn Đ2 nhờ Đ mang điện thoại Nokia C20 đi cầm cố, trong khi chờ Đ2, H đã tháo 02 sim vứt xuống sông. Khoảng 20 phút sau Đ2 điều khiển xe mô tô chở H đến thị trấn

Quảng Uyên. Do quen Lương Thị B2 - chủ của hàng điện thoại Bình Chi thuộc phố Hồng Thái Mới, thị trấn Quảng Uyên, Quảng Hòa nên Đ2 trực tiếp vào cầm cố chiếc điện thoại được 800.000,đ (tám trăm nghìn đồng). Khoảng 2 ngày sau B2 bán điện thoại trên cho một người đàn ông không quen biết với giá 950.000,đ (chín trăm năm mươi nghìn đồng). Số tiền cầm cố được, H và Đ2 sử dụng 500.000,đ (năm trăm nghìn đồng) để mua ma túy về sử dụng chung. Số tiền còn lại 300.000,đ (ba trăm nghìn đồng) H đã tiêu sài hết.

Cơ quan điều tra đã tạm giữ chiếc điện thoại Vivo Y21S 6GB màu xanh đã qua sử dụng (của La Văn Đ) và chiếc điện thoại Nokia 1203 (do H mượn của bà La Thị K) để phục vụ công tác điều tra. Còn chiếc điện thoại Nokia C20 (của bà Bế Thị B) đã bị bán, không thu hồi lại được.

Ngày 30/6/2022 cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an huyện Quảng Hòa đã ra quyết định trưng cầu định giá đối với chiếc điện thoại Vivo Y21S 6GB (của La Văn Đ) và chiếc điện thoại Nokia C20 (của bà Bế Thị B)

Kết luận định giá tài sản số 17/KL-HĐĐGTS ngày 30/6/2022 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Quảng Hòa kết luận:

"Giá trị còn lại của 01 chiếc điện thoại di động màn hình cảm ứng nhãn hiệu Nokia C20 màu vàng đồng đã qua sử dụng là 2.000.000,đ (Hai triệu đồng).

Giá trị còn lại của 01 chiếc điện thoại di động màn hình cảm ứng nhãn hiệu Vivo Y21S 6GB màu xanh đã qua sử dụng là 4.792.000,đ (Bốn triệu bảy trăm chín mươi hai nghìn đồng).

Tổng giá trị 02 chiếc điện thoại là 6.792.000,đ (Sáu triệu bảy trăm chín mươi hai nghìn đồng)"

Quá trình điều tra, ông La Văn Đ có yêu cầu xin lại chiếc điện thoại Vivo Y21S 6GB. Bà Bế Thị B yêu cầu La Văn H bồi thường giá trị chiếc điện thoại Nokia C20 đã mất. Bà bà La Thị K có yêu cầu xin lại chiếc điện thoại Nokia 1203.

Đối với Nông Văn Đ2: Cả 2 lần được H nhờ đưa đi cầm cố điện thoại, Đ2 đều không biết điện thoại do H trộm cắp mà có nên không có căn cứ để xử lý.

Đối với Lương Thị B2: Không biết chiếc điện thoại Nokia C20 Đ2 mang đến cầm cố là do trộm cắp mà có nên không có căn cứ để xử lý hình sự.

Như vậy hành vi của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội trộm cắp tài sản, tội danh và hình phạt được quy định tại điểm a khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự. Do đó Cáo trạng số 48/CT-VKSQH ngày 15/9/2022 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Quảng Hòa, tỉnh Cao Bằng truy tố và bản luận tội của Kiểm sát viên tại phiên tòa đối với bị cáo La Văn H về tội "Trộm cắp tài sản" theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự là đúng người, đúng tội, đúng quy định của pháp luật.

Tại phiên toà đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quan điểm truy tố và luận tội bị cáo La Văn H về tội: "Trộm cắp tài sản" theo như Cáo trạng đã truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 173, điểm s khoản 1 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52 và Điều 38 của Bộ luật hình sự để xử phạt bị cáo từ 12 đến 18 tháng tù, không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền, do bị cáo không có nghề nghiệp, thu nhập. Buộc bị cáo phải bồi thường cho bị hại và phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và người tham gia tố tụng khác không có ai có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi phạm tội của bị cáo: Tại phiên tòa bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, lời khai nhận tội phù hợp với lời khai của bị hại, vật chứng thu giữ, kết luận định giá và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, tranh tụng công khai tại phiên tòa, Hội đồng xét xử có căn cứ kết luận:

Ngày 29/6/2022 La Văn H có hành vi trộm 01 (một) điện thoại di động màn hình cảm ứng nhãn hiệu Vivo Y21S màu xanh của La Văn Đ. Ngoài ra ngày 27/6/2022 Hùng còn trộm 01 (một) điện thoại di động màn hình cảm ứng nhãn hiệu Nokia C20 màu vàng đồng của Bế Thị B.

Theo kết luận định giá tài sản số 17/KL-ĐG ngày 30/6/2022 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Quảng Hòa kết luận:

"Giá trị còn lại của 01 chiếc điện thoại di động màn hình cảm ứng nhãn hiệu Nokia C20 màu vàng đồng đã qua sử dụng là 2.000.000,đ (hai triệu đồng); Giá trị còn lại của 01 chiếc điện thoại di động màn hình cảm ứng nhãn hiệu Vivo Y21s 6GB màu xanh đã qua sử dụng là 4.792.000,đ (bốn triệu bảy trăm chín mươi hai nghìn đồng). Tổng giá trị 2 chiếc điện thoại là 6.792.000,đ (Sáu triệu bảy trăm chín mươi hai nghìn đồng)".

Như vậy hành vi của bị cáo La Văn H đã đủ yếu tố cấu thành tội trộm cắp tài sản, tội danh và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự. Do đó Cáo trạng số 48/CT-VKSQH ngày 15/9/2022 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Quảng Hòa truy tố và bản luận tội của Kiểm sát viên tại phiên tòa đối với bị cáo về tội "Trộm cắp tài sản" theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự là đúng người, đúng tội, đúng quy định của pháp luật.

[3] Xét tính chất, mức độ hành vi phạm tội, nhân thân, các tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự:

Bị cáo là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự nhận thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật nhưng vì nghiện chất ma túy nên đã lén lút chiếm đoạt tài sản của người khác đem đi tiêu thụ lấy tiền mua ma túy thỏa mãn nhu cầu cá nhân. Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm trực tiếp đến quyền sở hữu của công dân được pháp luật bảo vệ, làm ảnh hưởng đến trật tự trị an, gây bức xúc trong quần chúng nhân dân. Vì vậy cần phải cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian nhằm cải tạo bị cáo và phục vụ công tác đấu tranh phòng chống tội phạm nói chung. Tuy nhiên trong quá trình điều tra và tại phiên toà bị cáo đã thành khẩn khai báo, bị cáo phạm tội thuộc trường hợp ít nghiêm trọng nên được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự. Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Do bị cáo thực hiện trộm cắp 02 lần, cho nên sẽ bị áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự. Xét thấy bị cáo không có nghề nghiệp và thu nhập cho nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền. Vì vậy khi quyết định hình phạt, Hội đồng xét xử sẽ cân nhắc.

[4] Kiểm sát viên đề xuất áp dụng các điều luật, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, mức hình phạt và án phí đối với bị cáo là có căn cứ pháp luật.

[5] Phần tranh luận: Bị cáo nhận tội và không có ý kiến tranh luận. Bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có ý kiến tranh luận.

[6] Phần nói lời sau cùng: Bị cáo mong Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt để có cơ hội sửa lỗi lầm, sớm trở về với gia đình.

[7] Về trách nhiệm dân sự:

Đối với La Văn Đ: Mặc dù vắng mặt tại phiên toà, nhưng trong quá trình điều tra đã có yêu cầu nhận lại chiếc điện thoại di động Vivo Y21s 6GB màu xanh đã qua sử dụng và không có yêu cầu gì thêm.

Đối với Bế Thị B: Tại phiên tòa yêu cầu bị cáo phải bồi thường bằng tiền giá trị còn lại của chiếc điện thoại di động Nokia C20 là 2.000.000,đ và được bị cáo chấp nhận.

Đối với La Thị K: Tại phiên tòa có yêu cầu nhận lại chiếc điện thoại di động Nokia 1203.

Đối với Lương Thị B2: Khi nhận cầm cố điện thoại Nokia C20 từ Đại, Bình không biết do trộm cắp mà có, nên không bị xử lý hình sự, trong quá trình điều tra cũng không có yêu cầu gì.

Đối với Nông Văn Đ2: Khi giúp La Văn H cầm cố chiếc điện thoại Nokia C20, nhưng không biết tài sản trộm cắp mà có, nên không bị xử lý hình sự.

[8] Về xử lý vật chứng:

Đối với chiếc điện thoại Nokia 1203: Đây là chiếc điện thoại của bà La Thị K, cho bị cáo H mượn. Xét thấy bà K không biết H dùng để liên lạc với

Đ2 để nhờ bán chiếc điện thoại trộm cắp, vì vậy cần trả chiếc điện thoại cho bà Khìn.

Đối với chiếc điện thoại Vivo Y21S: Đây là chiếc điện thoại của La Văn Đ bị La Văn H trộm cắp, mà cơ quan điều tra thu giữ để phục vụ điều tra, vì vậy cần trả chiếc điện thoại cho ông Đ.

[9] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về trách nhiệm hình sự: *Căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52 và Điều 38 của Bộ luật hình sự:*

Tuyên bố bị cáo La Văn H phạm tội "Trộm cắp tài sản".

Xử phạt bị cáo La Văn H 15 (Mười năm) tháng tù. Thời hạn chấp hành án phạt tù được tính từ ngày 30/6/2022.

2. Về trách nhiệm dân sự: *Căn cứ Điều 584, 585 và 589 của Bộ luật Dân sự 2015:*

Buộc bị cáo La Văn H phải bồi thường cho bà Bế Thị B giá trị còn lại của chiếc điện thoại Nokia C20 với số tiền là 2.000.000,đ (Hai triệu đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, khi bên được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án hợp lệ, nếu bên bị thi hành án chậm thanh toán thì sẽ phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất chậm trả tiền được xác định theo thoả thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015, nếu không có thoả thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 và theo quy định của Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm.

"Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự".

3. Về xử lý vật chứng: *Căn cứ Điều 47 của Bộ luật hình sự; Khoản 3 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự:*

Trả lại cho ông La Văn Đ chiếc điện thoại di động màn hình cảm ứng nhãn hiệu Vivo Y21S, màu xanh, đã qua sử dụng.

Trả lại cho bà La Thị K chiếc điện thoại di động bàn phín cơ nhãn hiệu Nokia 1203, đã qua sử dụng.

4. Về án phí: *Căn cứ khoản 2 Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự 2015; Điều 21, Điều 23 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:*

Buộc bị cáo La Văn H phải chịu 200.000,đ án phí hình sự sơ thẩm và 300.000,đ án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch để sung ngân sách nhà nước.

5. Về quyền kháng cáo: *Căn cứ Điều 331, 333 của Bộ luật tố tụng hình sự:*

Án xử công khai sơ thẩm có mặt bị cáo, bị hại (Bế Thị B) và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan (La Thị K), báo cho biết có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Vắng mặt bị hại (La Văn Đ), người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan (Lương Thị B2, Nông Văn Đ2), báo cho biết có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày được tống đạt hoặc niêm yết bản án.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Cao Bằng;
- VKSND tỉnh Cao Bằng;
- Phòng hồ sơ - CATCB;
- Sở Tư pháp tỉnh Cao Bằng;
- VKSND huyện Quảng Hòa;
- Công an huyện Quảng Hòa;
- Chi Cục THADS huyện Quảng Hòa;
- Bị cáo; Bị hại;
- Người có QLNVLQ;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nông Thanh Điệp